

Sổ tay doanh nghiệp



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP  
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

# CPTPP &

Ngành Viễn thông Việt Nam



Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Việt Nam



Thông tin trong Sổ tay này chỉ phục vụ mục đích tham khảo. Để biết nội dung chuẩn xác của cam kết, doanh nghiệp cần tra cứu Văn kiện chính thức (bản tiếng Anh) của Hiệp định.

Mọi quan điểm trong Sổ tay này là của Nhóm tác giả, không phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương hay Chương trình Aus4Reform.



Canada

Mexico

Peru

Chile

New Zealand

Hiệp định Đối tác  
Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)  
và Ngành Viễn thông Việt Nam

---

Hà Nội, tháng 11 năm 2019



## Lời mở đầu

---

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) giữa 11 nước (bao gồm Australia, Brunei, Canada, Chi-lê, Malaysia, Mexico, Nhật Bản, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam) đã chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/1/2019.

Là một Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tiêu chuẩn cao, mức cam kết mở cửa mạnh và có phạm vi cam kết bao trùm nhiều lĩnh vực thương mại, đầu tư, quy tắc và thể chế, CPTPP dự kiến có tác động lớn tới hầu như tất cả các ngành, lĩnh vực kinh tế của Việt Nam.

Sổ tay doanh nghiệp “Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Ngành Viễn thông Việt Nam” nằm trong Tuyển tập 10 Sổ tay doanh nghiệp do Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện trong khuôn khổ Hợp phần “Hỗ trợ doanh nghiệp thực thi hiệu quả CPTPP” của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform).

Sổ tay tóm tắt và diễn giải các cam kết CPTPP trong lĩnh vực viễn thông, đánh giá các tác động dự kiến của các cam kết này đối với triển vọng phát triển của ngành và đưa ra các khuyến nghị cơ bản để doanh nghiệp trong ngành có thể tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức từ Hiệp định quan trọng này.

Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ về chuyên môn của các chuyên gia Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Thông tin và Truyền thông, Vụ Chính sách Thương mại Đa biên – Bộ Công Thương và sự hỗ trợ về kỹ thuật của Chương trình Aus4Reform cho việc nghiên cứu, biên soạn và phổ biến Sổ tay này.

Trung tâm WTO và Hội nhập  
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

---



# Mục lục

## Phần thứ nhất

### Cam kết về dịch vụ viễn thông của Việt Nam trong CPTPP ..... 8

- 1 Các cam kết về dịch vụ viễn thông được nêu ở đâu trong CPTPP? ..... 10
- 2 Cách thức cam kết mở cửa thị trường dịch vụ viễn thông trong CPTPP? ..... 13

### Mục 1 – Các cam kết chung về dịch vụ viễn thông ..... 21

- 3 Việt Nam có cam kết gì về cơ chế quản lý của Nhà nước với thị trường dịch vụ viễn thông? ..... 22
- 4 Việt Nam có cam kết gì về các dịch vụ và mạng viễn thông công cộng? ..... 25
- 5 CPTPP có cam kết gì để bảo đảm cạnh tranh trên thị trường viễn thông? ..... 28
- 6 CPTPP có cam kết gì liên quan tới nhà cung cấp chủ đạo? ..... 29
- 7 CPTPP có cam kết gì về quyền lựa chọn công nghệ viễn thông? ..... 33

### Mục 2 – Các cam kết cụ thể về mở cửa thị trường viễn thông ..... 35

- 8 Việt Nam có cam kết gì về việc di chuyển nhân sự của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông CPTPP vào Việt Nam? ..... 36
- 9 Các khách hàng Việt Nam có thể giao kết hợp đồng và sử dụng dịch vụ viễn thông của nhà cung cấp dịch vụ tại các nước CPTPP không? ..... 39
- 10 Việt Nam có cho phép nhà cung cấp dịch vụ viễn thông CPTPP cung cấp dịch vụ qua biên giới cho khách hàng tại Việt Nam không? ..... 40
- 11 Nhà đầu tư CPTPP có thể đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng tại Việt Nam dưới những hình thức nào? ..... 42
- 12 Nhà đầu tư CPTPP có thể đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng tại Việt Nam dưới những hình thức nào? ..... 43

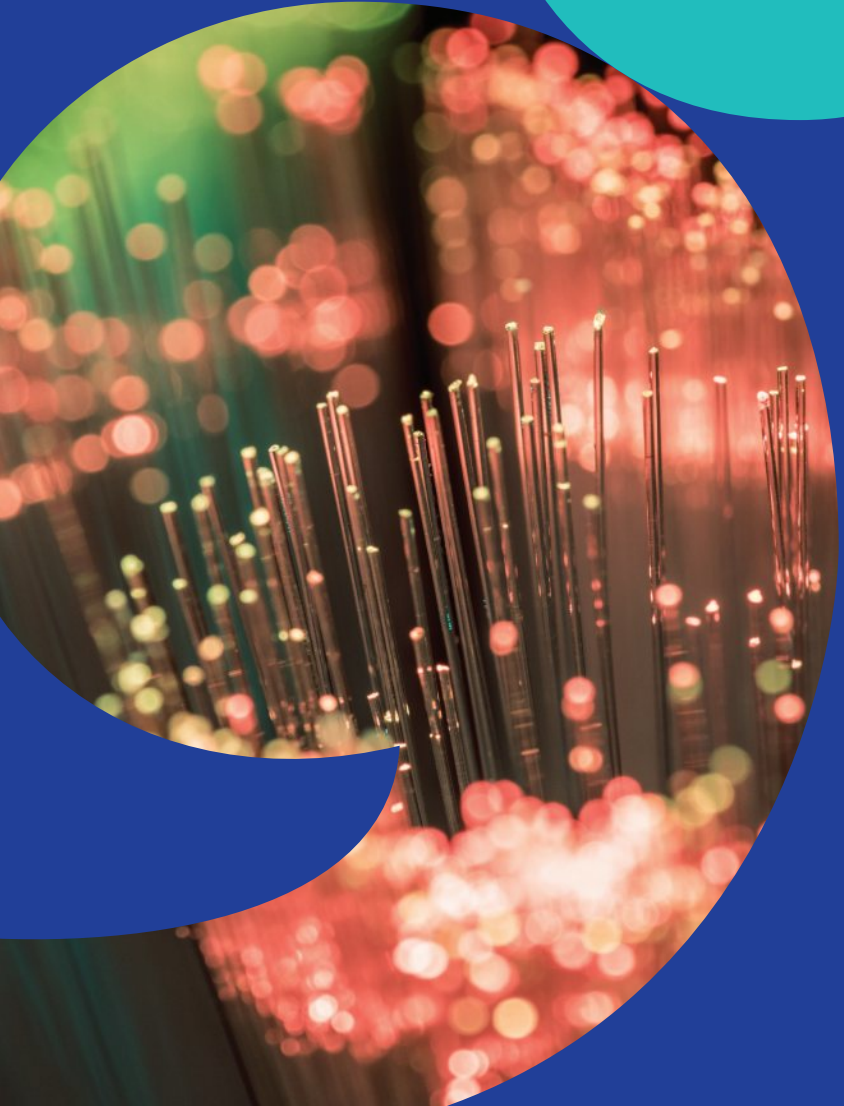
## Phần thứ hai

<b>Cơ hội, thách thức và khuyến nghị đối với ngành viễn thông trong bối cảnh hội nhập CPTPP</b> .....	<b>46</b>
13 Hiện trạng thị trường viễn thông Việt Nam .....	48
14 Tình hình xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực viễn thông của Việt Nam? .....	50
15 Pháp luật Việt Nam quy định như thế nào về cơ chế với đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông? .....	52
16 Triển vọng thị trường dịch vụ viễn thông Việt Nam? .....	54
17 Các cơ hội từ CPTPP cho ngành viễn thông Việt Nam? .....	56
18 Các thách thức từ CPTPP đối với ngành viễn thông Việt Nam? .....	58
19 Doanh nghiệp viễn thông Việt Nam cần chú ý gì để tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức trong bối cảnh CPTPP? .....	60



## Danh mục Từ viết tắt

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương
CSS	Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng
EU	Liên minh châu Âu
EVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	Hiệp định Thương mại Tự do
GDP	Tổng sản phẩm nội địa
MFN	Đối xử tối huệ quốc
NT	Đối xử quốc gia
WTO	Tổ chức thương mại thế giới



## Phần thứ nhất

---

Cam kết về dịch vụ  
viễn thông của Việt Nam  
trong CPTPP



## Các cam kết về dịch vụ viễn thông được nêu ở đâu trong CPTPP?

Các cam kết liên quan trực tiếp đến dịch vụ viễn thông trong CPTPP được nêu tập trung tại:

- **Chương 9 về Đầu tư:** Chương này quy định về các nghĩa vụ/nguyên tắc ứng xử mà nước Thành viên CPTPP phải dành cho nhà đầu tư đến từ các nước Thành viên CPTPP khác, trong đó có nhà đầu tư trong lĩnh vực viễn thông
- **Chương 10 về Dịch vụ xuyên biên giới:** Chương này quy định về các nghĩa vụ/nguyên tắc ứng xử mà nước Thành viên CPTPP phải dành cho nhà cung cấp dịch vụ của các nước Thành viên CPTPP khác khi họ cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, trong đó có viễn thông
- **Chương 12 về Di chuyển thể nhân:** Chương này quy định về các nghĩa vụ/nguyên tắc ứng xử mà nước Thành viên CPTPP phải dành cho các cá nhân (nhà quản lý, chuyên gia, nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng, người chào bán dịch vụ...) đại diện nhà cung cấp dịch vụ của các nước Thành viên CPTPP khác khi họ nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam để thực hiện các hoạt động liên quan
- **Chương 13 về Viễn thông:** Chương này quy định về các nghĩa vụ/nguyên tắc ứng xử bắt buộc của nước thành viên CPTPP trong lĩnh vực viễn thông
- **Phụ lục I về các biện pháp không tương thích của CPTPP:**

Phụ lục này liệt kê các biện pháp hiện hành (được quy định tại văn bản pháp luật cụ thể hoặc áp dụng trực tiếp) mà Việt Nam đang duy trì tại thời điểm CPTPP có hiệu lực và sẽ tiếp tục được phép duy trì sau khi CPTPP có hiệu lực. Trong số này có các biện pháp liên quan tới các lĩnh vực dịch vụ viễn thông cụ thể.

Đối với các biện pháp được liệt kê trong Phụ lục này, ở các khía cạnh nghĩa vụ/nguyên tắc liệt kê, Việt Nam có nghĩa vụ ứng xử với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP trong từng lĩnh vực cụ thể tối thiểu như mức miêu tả trong các biện pháp liên quan. Đối với các khía cạnh nghĩa vụ/nguyên tắc không được liệt kê, Việt Nam có nghĩa vụ ứng xử theo phù hợp với các nguyên tắc cơ bản về đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới trong CPTPP.

Ngoài ra, Phụ lục I còn có 02 nguyên tắc quan trọng liên quan tới việc sửa đổi các biện pháp nêu trong Phụ lục này trong tương lai, bao gồm:

- Nguyên tắc “*giữ nguyên trạng*” (*standstill*): nước Thành viên cam kết giữ nguyên mức mở cửa như hiện tại, không được mở cửa thấp hơn hoặc áp dụng các biện pháp hạn chế hơn đối với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP trong tương lai; và
- Nguyên tắc “*chỉ tiến không lùi*” (*ratchet*): nước Thành viên cam kết nếu có sửa đổi các biện pháp trong tương lai thì các biện pháp sửa đổi chỉ có thể mở cửa hơn, ít hạn chế hơn mà không thể theo chiều ngược lại.

Việt Nam có bảo lưu 03 năm với hai nguyên tắc này của Phụ lục I (như vậy Việt Nam chỉ bị ràng buộc bởi hai nguyên tắc này từ 14/1/2022).

- **Phụ lục II về các biện pháp không tương thích của CPTPP:**

Tương tự như Phụ lục I, Phụ lục II này liệt kê các biện pháp bảo lưu đối với một số nhóm dịch vụ, trong đó có một số dịch vụ viễn thông, mà Việt Nam có quyền áp dụng đối với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP.

Tuy nhiên, khác với Phụ lục I, các biện pháp nêu trong Phụ lục II không bị ràng buộc bởi các điều kiện hiện hành (có được nêu trong các văn bản pháp luật nội địa tại thời điểm CPTPP có hiệu lực hay không), cũng không bị ràng buộc bởi các nguyên tắc “*chỉ tiến không lùi*” hay “*giữ nguyên trạng*”.

Như vậy, với các lĩnh vực dịch vụ được liệt kê, ở các khía cạnh nghĩa vụ/nguyên tắc được liệt kê, Việt Nam có quyền tùy ý áp dụng bất kỳ biện pháp nào đối với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP. Đối với các khía cạnh nghĩa vụ/nguyên tắc không được liệt kê, đối với các nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP trong các lĩnh vực này, Việt Nam vẫn phải bảo đảm tuân thủ đúng các nghĩa vụ/nguyên tắc cơ bản của CPTPP.



## Cách thức cam kết mở cửa thị trường dịch vụ viễn thông trong CPTPP?

Trong CPTPP, đàm phán về dịch vụ được thực hiện theo phương thức chọn-bỏ. Đối với dịch vụ viễn thông, điều này hiểu một cách đơn giản là Việt Nam cam kết mở cửa toàn bộ các dịch vụ viễn thông ngoại trừ các dịch vụ còn bảo lưu.

Về cách thức mở cửa, CPTPP liệt kê các nghĩa vụ, nguyên tắc mở cửa cơ bản cho đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới từ nước CPTPP khác (nêu tại phần Lời văn của Chương 9 và Chương 10 CPTPP). Các nghĩa vụ/nguyên tắc mở cửa này là bắt buộc trừ khi có bảo lưu. Như vậy đối với mỗi lĩnh vực dịch vụ viễn thông:

- Nếu không có bảo lưu gì thì Việt Nam phải mở cửa cho nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ từ các nước CPTPP khác phù hợp với các nghĩa vụ/nguyên tắc mở cửa cơ bản này
- Nếu có bảo lưu (nêu rõ bảo lưu với nghĩa vụ/nguyên tắc nào, cụ thể như thế nào) thì ở các khía cạnh có bảo lưu, Việt Nam được quyền không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ/nguyên tắc mở cửa liên quan, mà chỉ mở cửa ở mức như bảo lưu

Theo cách thức này, về cơ bản, việc mở cửa thị trường trong lĩnh vực viễn thông của CPTPP có thể tóm tắt như sau:

## Nhóm các dịch vụ viễn thông mà Việt Nam bảo lưu phần lớn các nghĩa vụ mở cửa

Đối với các dịch vụ viễn thông thuộc nhóm này, Việt Nam bảo lưu quyền thực hiện hoặc áp dụng hầu như bất kỳ biện pháp nào liên quan tới mở cửa thị trường nếu thấy cần thiết mà không bị ràng buộc bởi phần lớn các nghĩa vụ/nguyên tắc cơ bản về mở cửa đầu tư/dịch vụ xuyên biên giới của CPTPP.

### **Các dịch vụ viễn thông mà Việt Nam bảo lưu phần lớn trong CPTPP**

Việt Nam bảo lưu quyền (a) Thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử (giữa trong nước và nước ngoài, giữa nước ngoài với nhau); (b) Yêu cầu hiện diện tại địa phương; (c) Yêu cầu phải sử dụng người quản lý là người Việt Nam hoặc thường trú ở Việt Nam; (d) Đặt ra các yêu cầu về hoạt động (yêu cầu phải thực hiện một số điều kiện để được cấp phép hoặc hưởng ưu đãi) đối với các dịch vụ viễn thông sau đây:

- Việc phát sóng quảng bá hoặc phân phối chương trình phát thanh hoặc truyền hình qua hệ thống cáp (trừ khi liên quan tới việc truy cập, sử dụng mạng viễn thông công cộng hoặc ảnh hưởng tới mạng viễn thông công cộng)
- Việc đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác các mạng và dịch vụ viễn thông phục vụ các tộc người thiểu số ở vùng nông thôn và hẻo lánh ở Việt Nam



## Nhóm các dịch vụ viễn thông mà Việt Nam bảo lưu một phần các nghĩa vụ mở cửa (cam kết mở cửa có giới hạn)

Đối với các dịch vụ viễn thông thuộc nhóm này, ở các khía cạnh có bảo lưu, Việt Nam phải mở cửa thị trường cho nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP tối thiểu ở mức như bảo lưu. Ở các khía cạnh không có bảo lưu, Việt Nam phải tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ/nguyên tắc cơ bản về mở cửa đầu tư/dịch vụ xuyên biên giới của CPTPP.

### **Các dịch vụ viễn thông mà Việt Nam mở cửa một phần trong CPTPP**

- Dịch vụ viễn thông vệ tinh: bảo lưu với việc cung cấp xuyên biên giới
- Các dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (cơ bản và giá trị gia tăng): bảo lưu với việc đầu tư
- Các dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (cơ bản và giá trị gia tăng): bảo lưu với việc đầu tư

## Nhóm các dịch vụ viễn thông mà Việt Nam không có bảo lưu nghĩa vụ mở cửa nào

Tất cả các dịch vụ viễn thông không được đề cập trong các bảo lưu sẽ thuộc nhóm này. Về lý thuyết, nhóm này sẽ “quét” toàn bộ các dịch vụ viễn thông còn lại và cả các dịch vụ viễn thông có thể hình thành trong tương lai (dịch vụ mới). Trên thực tế, do phần lớn các dịch vụ viễn thông được biết tới đều đã thuộc các nhóm có bảo lưu một phần hoặc phần lớn nên hiện nhóm này chưa có dịch vụ cụ thể nào.

Về nguyên tắc, với các dịch vụ thuộc nhóm này, Việt Nam phải mở cửa thị trường cho các nhà đầu tư CPTPP theo tất cả các nghĩa vụ/nguyên tắc cơ bản về mở cửa đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới của CPTPP.

Tuy nhiên, Việt Nam lại có một bảo lưu chung (bao trùm phần lớn các ngành dịch vụ, trong đó có dịch vụ viễn thông) nêu tại Phụ lục II về các biện pháp không tương thích (Mục II-Vietnam-36) về việc giới hạn nghĩa vụ tiếp cận thị trường ở mức như cam kết WTO.

Vì vậy, đối với các dịch vụ viễn thông nhóm “không có bảo lưu” (không được đề cập trong các cam kết CPTPP - Lời văn Chương 9-10, các Phụ lục I, II Danh mục các biện pháp không tương thích) thì Việt Nam sẽ phải mở cửa theo nguyên tắc sau:

- Về tiếp cận thị trường: Việt Nam có quyền áp dụng các biện pháp ở mức như mức cam kết trong WTO đối với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ viễn thông CPTPP
- Về các khía cạnh khác: Việt Nam phải ứng xử với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ viễn thông CPTPP theo đúng các nghĩa vụ/nguyên tắc chung về đầu tư, dịch vụ xuyên biên giới trong Hiệp định

## Tóm tắt các nghĩa vụ/nguyên tắc cơ bản trong mở cửa thị trường về đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới của CPTPP

### I. Đối với đầu tư

#### Nguyên tắc về không phân biệt đối xử (NT-MFN)

- **Nội dung:** Nước nhận đầu tư phải đối xử với các nhà đầu tư/khoản đầu tư tới từ các nước CPTPP khác không kém hơn đối xử dành cho nhà đầu tư/khoản đầu tư của Việt Nam (nguyên tắc “đối xử quốc gia” – NT) và không kém hơn đối xử với bất kỳ nước nào khác (nguyên tắc “đối xử tối huệ quốc” – MFN) ở hoàn cảnh tương tự.
- **Ngoại lệ:**
  - Nước nhận đầu tư có quyền áp dụng (i) các thủ tục/quy định riêng, khác biệt cho nhà đầu tư nước ngoài (so với nhà đầu tư trong nước), với điều kiện là các thủ tục này được là rào cản đối với việc đầu tư hoặc cung cấp dịch vụ của nhà đầu tư hoặc nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài; (ii) các yêu cầu về báo cáo riêng/khác biệt giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhau nếu là nhằm mục đích thống kê hoặc thu thập thông tin.
  - Nguyên tắc MFN không áp dụng đối với các biện pháp đối xử khác biệt dành cho (i) các nước Thành viên các hiệp định đang có hiệu lực hoặc đã được ký kết trước ngày CPTPP có hiệu lực; (ii) các nước ASEAN theo bất kỳ hiệp định nào của ASEAN được ký kết hoặc có hiệu lực sau khi CPTPP có hiệu lực; (iii) các nước Thành viên bất kỳ Hiệp định nào trong lĩnh vực hoạt động hàng hải, thủy sản, hàng không.

#### “Các yêu cầu về hoạt động” (Performance Requirements)

- **Nội dung:** Nước nhận đầu tư không được áp dụng một số các yêu cầu bắt buộc đối với khoản đầu tư nước ngoài liên quan tới: (i) việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, bán hoặc định đoạt theo cách khác; (ii) các điều kiện hưởng hoặc tiếp tục hưởng ưu đãi trong thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, bán hay định đoạt theo cách khác.

Danh mục các yêu cầu bị cấm áp dụng được liệt kê cụ thể với từng trường hợp (ví dụ yêu cầu phải xuất khẩu một tỷ lệ nhất định sản phẩm sản xuất ra; phải đạt được một tỷ lệ nội địa hóa nhất định; phải mua, sử dụng sản phẩm cho một chủ thể nào đó được chỉ định; phải đảm bảo tỷ lệ nhất định giữa kim ngạch/giá trị xuất khẩu với khoản ngoại tệ được chuyển; phải chuyển giao công nghệ, quy trình hoặc kiến thức cụ thể nào đó cho một chủ thể nội địa...)

- **Ngoại lệ:** Nước nhận đầu tư vẫn có thể áp dụng một số yêu cầu nhất định được liệt kê, ví dụ yêu cầu về việc sử dụng lao động nội địa trong các dự án đầu tư của các nhà đầu tư CPTPP, các yêu cầu cần thiết để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, cuộc sống người, động, thực vật, bảo tồn tài nguyên cạn kiệt...

#### **Nguyên tắc liên quan tới “Nhân sự quản lý cao cấp và Ban lãnh đạo”**

- **Nội dung:** Nhà nước nơi nhận đầu tư không được đặt ra các yêu cầu về quốc tịch bắt buộc của nhân sự ở vị trí lãnh đạo cấp cao
- **Ngoại lệ:** Có thể yêu cầu đa số nhân sự của Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng phải có quốc tịch nhất định hoặc thường trú tại nước sở tại (với điều kiện không làm ảnh hưởng đáng kể tới khả năng kiểm soát khoản đầu tư)

## **II. Đối với dịch vụ xuyên biên giới**

#### **Các nguyên tắc không phân biệt đối xử (NT - MFN):**

- **Nội dung:** Nước Thành viên CPTPP phải dành cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của các nước Thành viên khác đối xử không kém thuận lợi hơn đối xử dành cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ trong nước, nước ngoài trong hoàn cảnh tương tự
- **Ngoại lệ:** Nguyên tắc MFN không áp dụng đối với các biện pháp đối xử khác biệt dành cho (i) các nước Thành viên các hiệp định đang có hiệu lực hoặc đã được ký kết trước ngày CPTPP có hiệu lực; (ii) các nước ASEAN theo bất kỳ hiệp định nào của ASEAN được ký kết hoặc có hiệu lực sau khi CPTPP có hiệu lực; (iii) các nước Thành viên bất kỳ Hiệp định nào trong lĩnh vực hoạt động hàng hải, thủy sản, hàng không

### **Nguyên tắc về tiếp cận thị trường (Market Access)**

Nước Thành viên CPTPP không được áp đặt

- Các loại hạn chế được liệt kê cụ thể (ví dụ hạn chế về số lượng nhà cung cấp dịch vụ trên thị trường, trị giá giao dịch, số lượng dịch vụ cung cấp, số lượng cá nhân được phép tuyển dụng...)
- Hạn chế hoặc yêu cầu các hình thức tổ chức pháp lý hoặc liên doanh cụ thể để cung cấp dịch vụ.

### **Nguyên tắc về hiện diện tại địa phương (Local presence) – còn gọi là hiện diện tại nước sở tại**

Nước Thành viên CPTPP không được yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ nước Thành viên khác phải thiết lập văn phòng đại diện hoặc bất kỳ hình thức doanh nghiệp nào trên lãnh thổ của mình, hay phải cư trú trên lãnh thổ mình để cung cấp dịch vụ qua biên giới.



# Mục 1

Các cam kết chung về  
dịch vụ viễn thông



## Việt Nam có cam kết gì về cơ chế quản lý của Nhà nước với thị trường dịch vụ viễn thông?

Dịch vụ viễn thông là một trong số ít các lĩnh vực dịch vụ mà ngoài cam kết về mở cửa thị trường cụ thể, CPTPP còn có cam kết liên quan tới các cơ chế “đằng sau đường biên giới”, ràng buộc các ứng xử của cơ quan quản lý chuyên ngành viễn thông và các cơ quan có thẩm quyền khác đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông. Các cam kết này áp dụng chung cho cả Việt Nam và các nước Thành viên CPTPP.

Sau đây là tóm tắt một số các cam kết chính về quản lý nhà nước về viễn thông:

### Về thẩm quyền và trách nhiệm nói chung của cơ quan quản lý Nhà nước về viễn thông

- Phải tách bạch và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng viễn thông công cộng nào
- Các quyết định và thủ tục phải công bằng đối với tất cả chủ thể tham gia thị trường
- Không được phân biệt đối xử với nhà cung cấp dịch vụ thuộc sở hữu của Nhà nước thuận lợi hơn với các nhà cung cấp dịch vụ cùng loại vì lý do nguồn gốc sở hữu
- Có quyền xác định các nghĩa vụ dịch vụ phổ cập nhưng phải quản lý vấn đề này một cách minh bạch, không phân biệt đối xử và trung lập cạnh tranh



## VỀ VIỆC BẢO ĐẢM TÍNH CÔNG KHAI, MINH BẠCH

- Minh bạch trong xây dựng quy định về viễn thông: Phải công khai dự thảo/đề xuất chính sách với công chúng (hoặc ít nhất là các bên liên quan), kèm theo bản thuyết minh về mục tiêu và lý do của quy định; bảo đảm cho các bên liên quan có quyền và cơ hội bình luận về dự thảo; công khai các bình luận/ý kiến góp ý của các bên đến mức có thể; phản hồi tất cả các góp ý liên quan và trọng yếu đối với các dự thảo/đề xuất này
- Công khai các quy định về viễn thông: Bảo đảm công khai các quy định quản lý của mình về chính sách giá cước và các điều kiện liên quan, các thông số và giao diện kỹ thuật, điều kiện kết nối với mạng viễn thông công cộng, yêu cầu về cấp phép, các thủ tục liên quan đến giải quyết tranh chấp, và bất kỳ biện pháp nào ảnh hưởng đến quyền truy cập và sử dụng dịch vụ

## VỀ VIỆC CẤP PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ MẠNG VIỄN THÔNG

- Phải công bố công khai tất cả các tiêu chí, điều khoản, điều kiện và thủ tục cấp phép áp dụng; thời hạn cấp phép (thời hạn này phải hợp lý)
- Trường hợp từ chối cấp phép, áp đặt các điều kiện cấp phép riêng, thu hồi giấy phép hoặc từ chối gia hạn giấy phép: phải trả lời người nộp đơn bằng văn bản về lý do từ chối cấp phép nếu có yêu cầu
- Mức phí cấp phép phải hợp lý và không tạo hạn chế trong việc cung cấp dịch vụ

## VỀ VIỆC PHÂN BỐ NGUỒN TÀI NGUYÊN QUÝ HIẾM TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG (TẦN SỐ, KHO SỐ, CÁC QUYỀN ĐI CÁP)

- Thủ tục phân bổ và sử dụng các nguồn tài nguyên này phải được thực hiện khách quan, kịp thời, minh bạch và không phân biệt đối xử; nỗ lực bảo đảm quy trình phân bổ mở, có tính đến các lợi ích công cộng (trong đó có việc thúc đẩy cạnh tranh), sử dụng các phương pháp thị trường (như đấu giá tần số)
- Hiện trạng các băng tần được phân bổ/ấn định cho từng nhà cung cấp phải được công bố công khai (ngoại trừ thông tin chi tiết về phổ tần vô tuyến được phân bổ riêng cho Chính phủ)
- Nhà nước giữ quyền thực hiện các chính sách quản lý phổ tần và tần số (có thể ảnh hưởng đến số lượng các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng) miễn là phù hợp với các nghĩa vụ chung (tiếp cận thị trường, đối xử quốc gia...)
- Nhà nước giữ quyền phân bổ băng tần, có tính đến các nhu cầu hiện tại và tương lai

## VỀ VIỆC ĐIỀU TIẾT THỊ TRƯỜNG VIỄN THÔNG VÀ CHUYỂN VÙNG QUỐC TẾ

- CPTPP thừa nhận sự khác biệt về nhu cầu và các phương pháp quản lý ở từng thị trường; đồng thời ghi nhận quyền áp dụng các biện pháp điều tiết thị trường viễn thông
- CPTPP ghi nhận quyền của mỗi nước Thành viên được áp dụng hoặc duy trì các biện pháp liên quan tới giá (giá cước, giá bán buôn...) dịch vụ chuyển vùng quốc tế nhưng phải bảo đảm một số yêu cầu nhất định



## Việt Nam có cam kết gì về các dịch vụ và mạng viễn thông công cộng?

Liên quan tới dịch vụ và mạng viễn thông công cộng, CPTPP có các cam kết về nghĩa vụ của mỗi nước Thành viên đối với quyền truy cập, sử dụng cũng như cam kết về vấn đề kết nối của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông của nước Thành viên CPTPP khác.

Sau đây là tóm tắt một số cam kết đáng chú ý:

### Về quyền truy cập và sử dụng các dịch vụ, mạng viễn thông công cộng

Liên quan tới việc truy cập, sử dụng các dịch vụ, mạng viễn thông công cộng, CPTPP yêu cầu nước Thành viên phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Bảo đảm doanh nghiệp của bất kỳ nước Thành viên nào đều có thể truy cập và sử dụng bất kỳ dịch vụ viễn thông công cộng (kể cả thuê kênh) cung cấp trong lãnh thổ hoặc qua biên giới của nước Thành viên, trên cơ sở những điều kiện và điều khoản hợp lý và không phân biệt đối xử
- Nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ nước Thành viên nào được phép (a) mua hoặc thuê, và kèm theo thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị khác để giao diện với mạng viễn thông công cộng; (b) cung cấp các dịch vụ cho một hoặc nhiều người sử dụng cuối cùng qua các kênh thuê riêng hoặc kênh của mình; (c) kết nối kênh thuê riêng hoặc kênh của mình với các mạng và dịch vụ viễn thông công cộng hoặc với kênh thuê riêng hoặc kênh của doanh nghiệp khác; (d) thực hiện các chức năng chuyển mạch, báo hiệu, xử lý và chuyển đổi; và (e) sử dụng giao thức hoạt động theo sự lựa chọn của mình

- Bảo đảm doanh nghiệp của bất kỳ nước Thành viên nào đều có thể sử dụng dịch vụ viễn thông công cộng để (i) chuyển thông tin trong lãnh thổ hoặc qua biên giới của mình (bao gồm cả thông tin liên lạc nội bộ công ty); và (ii) tiếp cận thông tin có trong các cơ sở dữ liệu hoặc được lưu trữ dưới hình thức đọc được trên máy trong lãnh thổ của bất kỳ nước Thành viên nào
- Không áp đặt điều kiện nào đối với việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ, mạng viễn thông công cộng (trừ khi cần thiết để bảo đảm khả năng cung ứng cho công chúng; hoặc để bảo vệ sự đồng bộ kỹ thuật)

**Một số ví dụ về các điều kiện mà nước Thành viên có thể áp dụng đối với việc truy cập, sử dụng các dịch vụ, mạng viễn thông công cộng khi cần thiết**

- Yêu cầu sử dụng giao diện kỹ thuật được quy định, bao gồm giao thức giao diện, để kết nối với các mạng hoặc dịch vụ viễn thông công cộng
- Yêu cầu về khả năng tương thích với các mạng và dịch vụ viễn thông công cộng
- Yêu cầu phải phê chuẩn chung loại đối với các thiết bị đầu cuối hoặc thiết bị khác có giao diện với mạng viễn thông công cộng và các yêu cầu kỹ thuật liên quan đến việc kết nối thiết bị đó với các mạng viễn thông công cộng đó
- Thủ tục cấp phép, cho phép, đăng ký hoặc thông báo (bảo đảm minh bạch, không phân biệt đối xử và phù hợp pháp luật trong nước)

## Về trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng

Các nước Thành viên CPTPP cam kết bảo đảm rằng nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng trên lãnh thổ mình thực hiện một số việc trong đó đáng chú ý có:

- Kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của một nước Thành viên khác trực tiếp hoặc gián tiếp trong lãnh thổ mình
- Thực hiện việc chuyển mạng giữ số mà không làm suy giảm chất lượng, độ tin cậy, trên cơ sở kịp thời, và dựa trên các điều khoản và điều kiện hợp lý và không phân biệt đối xử

## Về quyền tiếp cận kho số của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng

Các nước CPTPP bảo đảm cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của nước Thành viên khác thành lập trên lãnh thổ mình quyền tiếp cận kho số điện thoại trên cơ sở không phân biệt đối xử.

### **Một số khái niệm liên quan tới cam kết về dịch vụ, mạng viễn thông công cộng trong CPTPP**

- "Mạng viễn thông công cộng" là cơ sở hạ tầng viễn thông được sử dụng để cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng giữa các điểm kết cuối mạng xác định
- "Dịch vụ viễn thông công cộng" là bất kỳ dịch vụ viễn thông nào mà nước Thành viên CPTPP yêu cầu phải được cung cấp cho công chúng nói chung (có thể bao gồm điện thoại và truyền dữ liệu - truyền dẫn thông tin của khách hàng giữa hai hay nhiều điểm xác định mà không thay đổi về định dạng hay nội dung thông tin)



## CPTPP có cam kết gì để bảo đảm cạnh tranh trên thị trường viễn thông?

CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo đảm các yêu cầu liên quan tới cạnh tranh trên thị trường viễn thông sau đây:

- Nhà cung cấp chủ đạo trên lãnh thổ mình phải dành cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của nước Thành viên khác đối xử không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử mà dành cho các công ty con, nhà cung cấp dịch vụ liên kết hoặc không liên kết của mình về (a) khả năng sẵn có, việc cung cấp, giá cước, chất lượng dịch vụ viễn thông công cộng cùng loại; và (b) khả năng sẵn có của các giao diện kỹ thuật cần thiết dành cho kết nối
- Phải duy trì các biện pháp thích hợp để ngăn chặn các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng (một mình hoặc cùng nhau, thành nhà cung cấp chủ đạo) trong lãnh thổ mình thực hiện các hành vi phi cạnh tranh (gồm trợ cấp chéo phi cạnh tranh; sử dụng thông tin thu được từ các đối thủ cạnh tranh với mục đích phi cạnh tranh; không kịp thời đưa ra cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng các thông tin kỹ thuật về cơ sở trang thiết bị thiết yếu và thông tin thương mại có liên quan cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ của họ)
- Không được cấm việc bán lại bất kỳ dịch vụ viễn thông công cộng nào; đồng thời phải bảo đảm một số yêu cầu cụ thể về cạnh tranh trong việc bán lại dịch vụ của hoặc cho các nhà cung cấp chủ đạo



## CPTPP có cam kết gì liên quan tới nhà cung cấp chủ đạo?

Trong CPTPP, nhà cung cấp chủ đạo là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có khả năng tác động đáng kể (về giá cả và cung cấp) tới các điều kiện tham gia vào thị trường liên quan đối với các dịch vụ viễn thông công cộng thông qua việc kiểm soát các trang thiết bị thiết yếu; hoặc sử dụng vị trí của mình trên thị trường đó.

CPTPP có nhiều cam kết liên quan tới phạm vi hoạt động, trách nhiệm của các nhà cung cấp chủ đạo này. Sau đây là một số tóm tắt các cam kết đáng chú ý:

### Về việc bóc tách các phần tử mạng của các nhà cung cấp chủ đạo

- Cơ quan quản lý Nhà nước phải có quyền yêu cầu nhà cung cấp chủ đạo trong lãnh thổ của mình cung cấp cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng truy cập vào các phần tử mạng trên cơ sở bóc tách, với các điều khoản và điều kiện, và giá cước theo chi phí thực, hợp lý, không phân biệt đối xử và minh bạch
- Mỗi nước Thành viên có quyền tự quyết định các phần tử mạng nào cần bóc tách, và các nhà cung cấp nào có thể có được những phần tử mạng này

## VỀ VIỆC KẾT NỐI VỚI CÁC NHÀ CUNG CẤP CHỦ ĐẠO

Nhà cung cấp chủ đạo phải cung cấp kết nối cho các trang thiết bị của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của nước Thành viên khác theo cách thức sau:

- Cung cấp kết nối tại bất kỳ điểm nào khả thi về mặt kỹ thuật
- Không phân biệt đối xử về điều khoản, điều kiện, giá cước
- Có chất lượng không kém hơn so với chất lượng cung cấp cho các dịch vụ cùng loại của chính mình hoặc của các nhà cung cấp dịch vụ không liên kết, hoặc cho các công ty con, thực thể liên kết khác
- Kịp thời, theo các điều khoản và điều kiện (bao gồm các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật), và với mức cước theo chi phí thực, minh bạch, hợp lý, có tính đến mức độ khả thi về mặt kinh tế, và được bóc tách một cách đầy đủ
- Tại các điểm ngoài các điểm kết cuối mạng phục vụ cho đa số người sử dụng khi có yêu cầu, với cước phí phản ánh chi phí xây dựng trang thiết bị bổ sung cần thiết

Đồng thời, từ góc độ quản lý, Nhà nước phải bảo đảm việc kết nối với nhà cung cấp chủ đạo phù hợp với các yêu cầu sau:

- Bảo đảm có thể kết nối qua thỏa thuận kết nối mẫu/tiêu chuẩn hoặc tiếp tục các điều khoản, điều kiện của thỏa thuận kết nối đã có hiệu lực
- Phải công bố công khai thủ tục áp dụng cho các cuộc đàm phán kết nối với nhà cung cấp chủ đạo; có biện pháp hỗ trợ các nhà cung cấp của nước Thành viên khác có được các mức giá, các điều khoản và điều kiện cần thiết cho việc kết nối do nhà cung cấp chủ đạo đưa ra (ví dụ công khai các thỏa thuận kết nối đang có hiệu lực; giá cước, các điều khoản và điều kiện kết nối; thỏa thuận kết nối mẫu...)



## Về việc thuê kênh của các nhà cung cấp chủ đạo

- Nhà cung cấp chủ đạo phải cung cấp cho các nhà cung cấp dịch vụ của nước Thành viên khác các dịch vụ thuê kênh thuộc các dịch vụ viễn thông công cộng trong khoảng thời gian hợp lý, trên cơ sở các điều khoản và điều kiện, với giá cước hợp lý và không phân biệt đối xử, và dựa trên một bản chào chung
- Cơ quan quản lý Nhà nước phải có quyền yêu cầu nhà cung cấp chủ đạo chào bán dịch vụ thuê kênh này với các mức giá dựa trên dung lượng và theo chi phí thực

## Về việc dùng chung cơ sở hạ tầng với các nhà cung cấp chủ đạo

Nhà cung cấp chủ đạo có nghĩa vụ:

- Cho phép các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của nước Thành viên khác dùng chung cơ sở hạ tầng vật lý đối với các thiết bị cần thiết để kết nối, truy cập các phần tử mạng được bóc tách trên cơ sở chào bán chung, đảm bảo tính kịp thời, và các điều khoản và điều kiện và với mức giá cước theo chi phí thực, hợp lý và không phân biệt đối xử
- Nếu việc dùng chung cơ sở hạ tầng vật lý không thể thực hiện (vì lý do kỹ thuật, hạn chế về không gian), nhà cung cấp chủ đạo phải cung cấp giải pháp thay thế bảo đảm các nguyên tắc nói trên

Liên quan tới khía cạnh này, nước Thành viên CPTPP có quyền xác định những hạ tầng cơ sở nào thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi các nhà cung cấp chủ đạo phải chịu điều chỉnh bởi các nghĩa vụ nói trên (trên cơ sở xem xét tình hình cạnh tranh, lợi ích công cộng...).

## VỀ QUYỀN TIẾP CẬN CÁC CỘT, CỐNG, BỂ CÁP, QUYỀN ĐI CÁP ĐƯỢC SỞ HỮU/KIỂM SOÁT BỞI CÁC NHÀ CUNG CẤP CHỦ ĐẠO

- Nhà cung cấp chủ đạo phải cung cấp quyền tiếp cận các cột, cống, bể, và quyền đi cáp hay bất kỳ công trình xây dựng nào khác mà mình sở hữu hoặc kiểm soát cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng của nước Thành viên khác trong lãnh thổ mình kịp thời, theo các điều khoản và điều kiện và giá hợp lý, không phân biệt đối xử và minh bạch, trên cơ sở khả thi về kỹ thuật
- Nước Thành viên có quyền xác định các cột, cống, bể, quyền đi cáp, bất kỳ công trình xây dựng nào khác thuộc diện phải tuân thủ nghĩa vụ nêu trên (có tính đến cạnh tranh, các lợi ích công cộng...)



## CPTPP có cam kết gì về quyền lựa chọn công nghệ viễn thông?

Liên quan tới việc lựa chọn công nghệ trong cung cấp dịch vụ viễn thông, CPTPP yêu cầu các nước Thành viên:

- Không cản trở các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng trong việc lựa chọn các công nghệ mà họ muốn sử dụng để cung cấp dịch vụ của mình
- Có thể đặt ra các yêu cầu cần thiết nhằm các lợi ích chính sách công cộng chính đáng, với điều kiện là yêu cầu có thể hạn chế sự lựa chọn công nghệ này không tạo ra trở ngại không cần thiết đối với thương mại

Trường hợp nước Thành viên đầu tư tài chính để phát triển các mạng tiên tiến thì nước đó có thể coi việc đầu tư tài chính này là điều kiện để sử dụng các công nghệ đáp ứng các lợi ích chính sách công cộng cụ thể của mình.



## Mục 2

Các cam kết cụ thể  
về mở cửa thị trường  
viễn thông



## Việt Nam có cam kết gì về việc di chuyển nhân sự của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông CPTPP vào Việt Nam?

Trong CPTPP, Việt Nam có cam kết chung về các nhân sự được phép nhập cảnh vào Việt Nam (nhân sự di chuyển nội bộ, nhân sự khác, người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại, người chào bán dịch vụ) áp dụng chung cho tất cả các lĩnh vực “có cam kết” trong CPTPP, bao gồm cả dịch vụ viễn thông. Riêng cam kết về nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng thì chỉ áp dụng cho một số lĩnh vực cụ thể, trong đó có viễn thông.

### Đối với nhân sự di chuyển nội bộ (quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia)

Mỗi hiện diện thương mại mà nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP được thành lập tại Việt Nam có thể sử dụng nhân sự di chuyển nội bộ với điều kiện:

- Ít nhất 20% số quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia là công dân Việt Nam (tuy nhiên cho phép tối thiểu 03 nhân sự nước ngoài cho các vị trí này; không hạn chế nếu là vị trí mà người Việt Nam không thể thay thế)
- Thời hạn nhập cảnh và lưu trú không quá 03 năm (có thể gia hạn) – thời hạn này tương đương mức cam kết trong WTO

## Đối với người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại

Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại được phép nhập cảnh và lưu trú ở Việt Nam với điều kiện:

- Thời hạn nhập cảnh và lưu trú: tối đa 01 năm (trong WTO, thời hạn này chỉ là 90 ngày)
- Không tham gia trực tiếp vào việc bán hàng hay cung cấp dịch vụ; và
- Nhà cung cấp dịch vụ cử người phải có địa bàn kinh doanh chính trên lãnh thổ của một nước Thành viên CPTPP và chưa có hiện diện thương mại ở Việt Nam

## Đối với người chào bán dịch vụ

Cá nhân đại diện cho nhà cung cấp dịch vụ CPTPP được phép nhập cảnh vào Việt Nam để chào bán dịch vụ với các điều kiện sau:

- Thời hạn nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam: tối đa 06 tháng (trong cam kết WTO, thời hạn này chỉ là 90 ngày); và
- Phạm vi hoạt động: chỉ được phép đàm phán tiêu thụ dịch vụ của nhà cung cấp mà mình đại diện, không được bán trực tiếp dịch vụ đó cho công chúng hay trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ

## Đối với nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng (CSS)

Người lao động của doanh nghiệp CPTPP không có hiện diện thương mại tại Việt Nam và có hợp đồng dịch vụ (viễn thông) với một doanh nghiệp Việt Nam tại Việt Nam được phép nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ theo hợp đồng nói trên. Đây là cam kết mở cửa cao hơn mức cam kết WTO (trong WTO, Việt Nam chưa cam kết cho phép người lao động theo hình thức này nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông mà mới chỉ cho phép đối với các dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan, và dịch vụ tư vấn kỹ thuật).

Điều kiện để được phép nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam theo hình thức CSS này bao gồm:

- Thời hạn nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam: theo thời hạn hợp đồng dịch vụ nhưng tối đa không quá 6 tháng (trong WTO, thời hạn này chỉ là 90 ngày)
- Bằng cấp chuyên môn và kinh nghiệm: Cá nhân cung cấp dịch vụ theo hợp đồng phải có bằng đại học hoặc chứng chỉ chuyên môn tương đương; có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực viễn thông liên quan theo pháp luật Việt Nam; có ít nhất 05 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực liên quan; và đã được doanh nghiệp cử sang Việt Nam tuyển dụng trước đó ít nhất 02 năm

Chú ý chung:

- Các cam kết về di chuyển nhân sự (còn gọi là di chuyển thể nhân) không áp dụng như nhau với tất cả các đối tác CPTPP mà tùy thuộc vào cam kết về di chuyển thể nhân của từng đối tác CPTPP (kiểu cam kết “có đi có lại”)
- Các cam kết này không ảnh hưởng tới quyền của Việt Nam trong các vấn đề về quốc tịch, cư trú, lao động thường xuyên, các yêu cầu về chuyên môn bằng cấp
- Thủ tục và các tiêu chuẩn nhập cảnh phải tuân thủ pháp luật nội địa của Việt Nam





## Các khách hàng Việt Nam có thể giao kết hợp đồng và sử dụng dịch vụ viễn thông của nhà cung cấp dịch vụ tại các nước CPTPP không?

Liên quan tới phương thức tiêu dùng ở nước ngoài (khách hàng Việt Nam ra nước ngoài và sử dụng dịch vụ viễn thông ở nước ngoài), ngay từ cam kết WTO, đối với các dịch vụ viễn thông đã có cam kết, Việt Nam đã mở cửa hoàn toàn, không hạn chế gì đối với việc này.

Trong CPTPP, Việt Nam tiếp tục khẳng định việc mở cửa hoàn toàn này với các dịch vụ viễn thông (ngoại trừ các trường hợp bảo lưu toàn bộ các nghĩa vụ). Điều này có nghĩa là các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam khi du lịch, công tác, làm việc tại CPTPP có quyền giao kết hợp đồng tại CPTPP để sử dụng các dịch vụ viễn thông mà các doanh nghiệp CPTPP cung cấp tại CPTPP.



## Việt Nam có cho phép nhà cung cấp dịch vụ viễn thông CPTPP cung cấp dịch vụ qua biên giới cho khách hàng tại Việt Nam không?

Liên quan tới việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới từ nhà cung cấp dịch vụ CPTPP cho khách hàng tại Việt Nam, cam kết của Việt Nam trong CPTPP được chia làm 02 nhóm sau:

### Đối với các dịch vụ hữu tuyến và di động mặt đất

Trong CPTPP, Việt Nam không có bảo lưu hạn chế nào đối với việc cung cấp qua biên giới cho khách hàng tại Việt Nam các dịch vụ hữu tuyến và di động mặt đất (dù là dịch vụ viễn thông cơ bản hay dịch vụ giá trị gia tăng). Nói cách khác, nhà cung cấp dịch vụ viễn thông CPTPP có thể tự do cung cấp các dịch vụ hữu tuyến và di động mặt đất cho khách hàng tại Việt Nam.

Về mặt pháp lý, đây là cam kết mở hơn hẳn so với cam kết mở cửa trong WTO và EVFTA của Việt Nam (yêu cầu phải có thỏa thuận thương mại với tổ chức được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông ở Việt Nam).

Mặc dù vậy, về kỹ thuật và thực tiễn, việc cung cấp dịch vụ viễn thông hữu tuyến và di động mặt đất qua biên giới hầu như rất khó có thể thực hiện được nếu không có đối tác tại Việt Nam.

## Đối với các dịch vụ viễn thông vệ tinh

Với các dịch vụ viễn thông vệ tinh, dù là dịch vụ viễn thông cơ bản hay các dịch vụ giá trị gia tăng, việc cung cấp dịch vụ qua biên giới cho khách hàng tại Việt Nam chỉ được phép thực hiện nếu có thoả thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ vệ tinh quốc tế Việt Nam được cấp phép.

Tuy nhiên, việc cung cấp dịch vụ qua biên giới sẽ không bị hạn chế bởi điều kiện này trong trường hợp dịch vụ cung cấp cho các khách hàng sau đây:

- Các khách hàng kinh doanh ngoài biển
- Các cơ quan chính phủ
- Các nhà cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, các đài phát thanh và truyền hình
- Các văn phòng đại diện chính thức của các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự
- Các khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao
- Các công ty đa quốc gia

Tất cả các khách hàng này đều phải đáp ứng điều kiện đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất lắp đặt trên lãnh thổ Việt Nam.

## Về các tuyến cáp quang biển

Trong CPTPP, Việt Nam cam kết cho phép nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được sở hữu đến 100% dung lượng truyền phát cáp quang biển cập bờ tại trạm cáp quang biển được cấp ở Việt Nam, và có thể bán dung lượng đó cho bất kỳ nhà mạng viễn thông được cấp phép nào ở Việt Nam, bao gồm cả các nhà cung cấp dịch vụ internet, ở Việt Nam.



## Nhà đầu tư CPTPP có thể đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng tại Việt Nam dưới những hình thức nào?

Trong CPTPP, Việt Nam chỉ cam kết cho phép các nhà đầu tư CPTPP được tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng thông qua việc liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng điều kiện phần vốn góp của bên nước ngoài không vượt 70% nếu là dịch vụ mạng ảo riêng; 65% đối với các trường hợp còn lại.

Tuy nhiên, Việt Nam cam kết mở cửa hoàn toàn dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng cho nhà đầu tư CPTPP sau 05 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Nói cách khác, kể từ 14/1/2024, nhà đầu tư CPTPP có thể tham gia đầu tư vào Việt Nam dưới các hình thức:

- Chi nhánh
- Văn phòng
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh
- Mua cổ phần của doanh nghiệp viễn thông ở Việt Nam
- Liên doanh (không hạn chế vốn góp nước ngoài)
- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

Đây là mức cam kết mở cửa mạnh nhất trong lĩnh vực viễn thông mà Việt Nam từng đưa ra. Không chỉ mở hơn so với WTO, cam kết này của CPTPP cũng mở hơn so với EVFTA (trong EVFTA, Việt Nam cũng chỉ cam kết xóa bỏ tỷ lệ vốn nước ngoài trong liên doanh với dịch vụ giá trị gia tăng sau 05 năm).



## Nhà đầu tư CPTPP có thể đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng tại Việt Nam dưới những hình thức nào?

Liên quan tới dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trong CPTPP, Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường cho đầu tư từ các nước CPTPP theo 02 nhóm:

### Đối với dịch vụ cơ bản

Đối với nhóm này, trong CPTPP, Việt Nam giữ nguyên mức cam kết như trong WTO (và tương tự EVFTA), theo đó nhà đầu tư nước ngoài chỉ được phép thành lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam và phải tuân thủ các điều kiện sau:

- Đối tác phía Việt Nam phải là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép tại Việt Nam; và
- Phần vốn góp của nước ngoài không được vượt quá 49% vốn điều lệ

### Đối với dịch vụ giá trị gia tăng

Đối với nhóm này, trong CPTPP, Việt Nam cam kết cho nhà đầu tư nước ngoài chỉ được phép thành lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam và phải tuân thủ các điều kiện sau:

- Đối tác phía Việt Nam phải là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép tại Việt Nam; và
- Phần vốn góp của nước ngoài không được vượt quá 51% vốn điều lệ (mức này trong cam kết WTO và EVFTA của Việt Nam là 50%); sau 05 năm từ khi CPTPP có hiệu lực (tức là từ 14/1/2024) tỷ lệ này được nâng lên 65%

So với cam kết WTO và EVFTA, cam kết của CPTPP bị hạn chế hơn khi chỉ cho phép liên doanh mà không cho phép thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh như cam kết WTO và EVFTA (ngoại trừ dịch vụ truy nhập Internet cam kết CPTPP tương tự WTO, EVFTA).

Đối với cả dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng, cam kết trong CPTPP hạn chế hơn cam kết WTO và EVFTA khi yêu cầu đối tác phía Việt Nam phải là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép tại Việt Nam (trong khi WTO cho phép tự do lựa chọn đối tác đối với dịch vụ giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng, còn EVFTA cho phép tự do lựa chọn đối tác với tất cả các dịch vụ không có hạ tầng mạng).







## Phần thứ hai

---

Cơ hội, thách thức và  
khuyến nghị đối với  
ngành viễn thông trong  
bối cảnh hội nhập CPTPP



## Hiện trạng thị trường viễn thông Việt Nam

Hiện tại viễn thông ở Việt Nam vẫn còn là một ngành dịch vụ có quy mô tương đối nhỏ trong tổng thể nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, ngành này đang có tốc độ tăng trưởng rất nhanh. Trong 10 năm trở lại đây, Việt Nam là một trong những thị trường viễn thông có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới.

### Các doanh nghiệp viễn thông

Doanh thu hoạt động viễn thông năm 2018 đạt 395,8 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so với năm 2017. Tính đến 20/7/2019, có tổng cộng 63 doanh nghiệp đang có giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng và 75 doanh nghiệp đang có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông. Như vậy, từ chỗ viễn thông được xếp vào diện dịch vụ công ích, chỉ do doanh nghiệp Nhà nước thực hiện, tới nay ngành này đã có sự tham gia của khá nhiều các doanh nghiệp tư nhân, thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường viễn thông. Tuy nhiên, thị phần viễn thông vẫn chủ yếu thuộc về các tập đoàn lớn như Viettel, VNPT, FPT, Mobifone...

### Hạ tầng viễn thông và các dịch vụ

Số liệu đến cuối năm 2018 cho thấy:

- Tổng số thuê bao điện thoại ước tính đạt 129,9 triệu thuê bao, tăng gấp 10 lần so với năm 2005 (trong đó số thuê bao di động đạt 125,6 triệu thuê bao)
- Tổng số thuê bao internet băng rộng cố định ước tính đạt gần 13 triệu thuê bao, tăng 19,2% so với 2017, và cao gấp 60 lần so với năm 2005

Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã phát triển các công nghệ 2G, 3G, 4G. Gần đây nhất, từ tháng 5/2019, mạng 5G đã được doanh nghiệp đưa vào thử nghiệm hệ thống tại Việt Nam, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia thử nghiệm 5G sớm nhất thế giới.



## Tình hình xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực viễn thông của Việt Nam?

Do mức độ mở cửa của Việt Nam còn rất hạn chế, thị trường viễn thông của Việt Nam cơ bản vẫn tương đối đóng đối với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông nước ngoài. Cho tới nay, Việt Nam mới chỉ cho phép các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ qua biên giới hoặc đầu tư kinh doanh trực tiếp tại Việt Nam trong một số ít phân ngành với điều kiện khá chặt chẽ, không mở rộng hơn so với mức cam kết mở cửa trong WTO.

Theo chiều ngược lại, dịch vụ viễn thông ở nhiều nước cũng được xếp vào diện nhạy cảm, chỉ tiếp nhận một cách hạn chế các dịch vụ cung cấp qua biên giới hoặc đầu tư nước ngoài.

Đây có thể là những lý do cơ bản khiến cho kết quả xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ viễn thông của Việt Nam còn khá hạn chế.

### Bảng

#### Kim ngạch xuất nhập khẩu dịch vụ viễn thông của Việt Nam qua các năm

Đơn vị: Triệu USD

	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
● Nhập khẩu	30	47	54	59	79	67	57	85	82	85
● Xuất khẩu	120	110	80	124	137	145	138	140	145	148

● Nhập khẩu

● Xuất khẩu

Nguồn: Trademap

## Về đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong lĩnh vực viễn thông

Số liệu đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong lĩnh vực thông tin và truyền thông lũy kế đến 8/2019:

- Tổng số dự án 2.031 dự án (chiếm 6,9% tổng số dự án)
- Tổng số vốn gần 3,74 tỷ USD (chiếm 1,05% tổng vốn đầu tư nước ngoài)

Các nhà đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực viễn thông bị hạn chế về phạm vi, cách thức cung cấp dịch vụ và hình thức pháp lý. Do đó, không ít trường hợp doanh nghiệp viễn thông nước ngoài vào Việt Nam nhưng gặp nhiều rào cản khác nhau đã phải thu hẹp kinh doanh hoặc rút vốn về nước như Beeline, SK Telecom...

## Về đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài

Đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam trong lĩnh vực viễn thông mặc dù vẫn còn rất khiêm tốn về quy mô và số lượng nhưng được đánh giá là rất có tiềm năng.

Hiện tại, chỉ có một số tập đoàn lớn như Viettel, FPT, Mobifone là có đầu tư đáng kể ra nước ngoài. Tuy nhiên, với các chiến lược đi tắt đón đầu về công nghệ và khả năng thích nghi với các điều kiện thể chế và thị trường sơ khai, viễn thông là một lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài tiềm năng, đặc biệt là ở các thị trường các nước đang phát triển khu vực châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh.



## Pháp luật Việt Nam quy định như thế nào về cơ chế với đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông?

Ngoài yêu cầu tuân thủ pháp luật chung về đầu tư kinh doanh (Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và các văn bản liên quan), hoạt động đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định chuyên ngành viễn thông tại:

- Luật Viễn thông
- Nghị định 25/2011/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 81/2016/NĐ-CP) quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông
- Các quy định pháp luật khác liên quan tới dịch vụ viễn thông

Theo các văn bản này:

- *Đối với nhà đầu tư nước ngoài:* Việt Nam duy trì các điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài ở mức như trong các cam kết WTO của Việt Nam, ngoại trừ điều kiện đối tác phía Việt Nam trong hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên doanh ít nhất phải là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam (theo cam kết WTO thì với trường hợp dịch vụ giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng ngoại trừ dịch vụ truy nhập Internet IAS thì không hạn chế đối tác Việt Nam trong liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh)
- *Đối với tất cả các trường hợp đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ viễn thông (không phân biệt nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài):* Nhà đầu tư phải có giấy phép viễn thông và đều phải đáp ứng nhiều điều kiện nhất định trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động viễn thông ở Việt Nam còn phải tuân thủ tất cả các quy định pháp luật có liên quan trong các hệ thống pháp luật khác (ví dụ pháp luật về an toàn thông tin, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử, thương mại điện tử...).

### **Một số yêu cầu của pháp luật nội địa đối với hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông**

#### **Điều kiện về sở hữu chéo về vốn trong doanh nghiệp viễn thông:**

Một tổ chức, cá nhân đã sở hữu trên 20% vốn điều lệ hoặc cổ phần trong một doanh nghiệp viễn thông thì không được sở hữu trên 20% vốn điều lệ hoặc cổ phần của doanh nghiệp viễn thông khác cùng kinh doanh trong một thị trường dịch vụ viễn thông

#### **Hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông:**

- Phải có hợp đồng mẫu, điều kiện giao dịch chung được đăng ký và được chấp thuận bởi Bộ Công Thương (sau khi Bộ này thống nhất với Bộ Thông tin và Truyền thông) trong trường hợp dịch vụ viễn thông thiết yếu thuộc Danh mục Thủ tướng quy định
- Phải có hợp đồng mẫu, điều kiện giao dịch chung được đăng ký và được chấp thuận bởi Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông đối với dịch vụ thuộc Danh mục Bộ Thông tin và Truyền thông quy định



## Triển vọng thị trường dịch vụ viễn thông Việt Nam?

Thị trường dịch vụ viễn thông Việt Nam được đánh giá là rất có tiềm năng phát triển xuất phát từ nhiều yếu tố tích cực:

- *Thứ nhất, hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp đang có sự mở rộng liên tục, kéo theo sự gia tăng mạnh mẽ về nhu cầu đối với các dịch vụ viễn thông phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh*

Theo Tổng cục Thống kê, tại thời điểm 31/12/2018 số doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước đã đạt tới con số 714.755 doanh nghiệp, tăng 7,2% so với 2017. Trong 03 năm 2016-2018, số doanh nghiệp thành lập mới mỗi năm đều trên 100.000 doanh nghiệp. Bình quân có 14,7 doanh nghiệp trên 1.000 dân trong độ tuổi lao động.

- *Thứ hai, mức thu nhập và tiêu dùng của dân cư có sự gia tăng mạnh, từ đó tăng khả năng mua sắm, chi trả, sử dụng các dịch vụ viễn thông*

Theo Tổng cục Thống kê, GDP bình quân đầu người Việt Nam năm 2018 là khoảng 2.587 USD, tăng 198 USD so với 2017, 387 USD so với 2016. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 11,7%, cao hơn mức tăng 11% năm 2017. Cơ quan này cũng ghi nhận mức tăng trưởng liên tục về GDP bình quân đầu người và mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng qua các năm.

Một số xu hướng mới trong tiêu dùng của dân cư cũng tạo ra thị trường hấp dẫn cho các dịch vụ viễn thông, đặc biệt là xu hướng sử dụng di động, mạng xã hội, thương mại điện tử, giải trí trên các thiết bị viễn thông...



- *Thứ ba, khả năng tiếp cận mạng viễn thông của người dân và các tổ chức, doanh nghiệp ở Việt Nam ở mức cao, tạo điều kiện cho việc cung ứng các dịch vụ viễn thông*

Tính đến cuối 2018, hạ tầng viễn thông Việt Nam đã có tổng cộng hơn 800.000 km cáp quang, được triển khai đến tận thôn/bản/xã phường của 63/63 tỉnh, thành phố trên cả nước; sóng di động đã phủ tới 99,7% dân số (trong đó vùng phủ 3G, 4G phục vụ trên 98% dân số, hình thành xa lộ kết nối toàn cầu).

Đây là cơ sở hạ tầng quan trọng cho việc đưa dịch vụ viễn thông vào các hoạt động đời sống kinh tế xã hội và là nền tảng cho hoạt động viễn thông và kinh tế số (đặc biệt là mạng 4G, 5G).



## Các cơ hội từ CPTPP cho ngành viễn thông Việt Nam?

Trong tổng thể, mức độ mở cửa thị trường của Việt Nam cho nhà cung cấp dịch vụ viễn thông EU trong CPTPP gần như tương tự với mức mở cửa theo WTO trong giai đoạn 05 năm đầu kể từ khi CPTPP có hiệu lực. Và CPTPP chỉ mở cửa lĩnh vực viễn thông cao hơn so với cam kết WTO sau 05 năm, theo hướng tăng hạn mức vốn nước ngoài trong liên doanh, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng (cho phép doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài).

Do đó, trong giai đoạn đầu, CPTPP hầu như không tạo ra tác động lớn nào về đầu tư nước ngoài trên thị trường dịch vụ viễn thông Việt Nam. Và sau 05 năm (tức là từ 14/1/2024), thay đổi phần lớn sẽ ở mảng dịch vụ giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng.

Tuy nhiên, dưới tác động của việc thực thi các cam kết khác trong CPTPP, ngành dịch vụ viễn thông Việt Nam cũng sẽ đứng trước các cơ hội đáng chú ý sau:

- *Nhu cầu đối với dịch vụ viễn thông gia tăng theo sự tăng trưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dưới tác động của CPTPP*

Theo Ngân hàng Thế giới, đến 2030, CPTPP dự kiến sẽ giúp tăng GDP Việt Nam thêm 1,1-3,5%, giúp tăng tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam thêm 4,2-6,9%, tăng tổng nhập khẩu của Việt Nam thêm 5,3-7,6%.

- *Môi trường kinh doanh thuận lợi hơn thông qua cải cách thể chế và hoàn thiện khung khổ pháp lý khi Việt Nam thực thi các cam kết CPTPP*

Được đánh giá là sẽ tạo ra một làn sóng cải cách mới về thể chế, đặc biệt trong các lĩnh vực có liên quan tới thủ tục hành chính và cơ chế quản lý kinh tế, CPTPP dự kiến sẽ tạo môi trường thông thoáng hơn cho các lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực hiện đang có cơ chế quản lý phức tạp, trong đó có dịch vụ viễn thông.

- *Cơ hội đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông tại thị trường CPTPP qua các cam kết mở cửa thị trường viễn thông của CPTPP cho Việt Nam*

Trong CPTPP, các nước CPTPP có cam kết mở cửa các thị trường dịch vụ viễn thông cho nhà cung cấp dịch vụ Việt Nam hơn so với cam kết WTO (bao gồm cả cơ hội về đầu tư, cung cấp dịch vụ qua biên giới và di chuyển người lao động). Cùng với đó, dự kiến về nhu cầu và tăng trưởng của các dịch vụ viễn thông ở các nước CPTPP, đặc biệt là ở các thị trường Trung và Nam Mỹ, là cơ hội đáng kể cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông Việt Nam.

- *Cơ hội hợp tác với các đối tác CPTPP, cải thiện chuyên môn, công nghệ, quản trị, năng lực cạnh tranh*

Dịch vụ viễn thông là một trong những ngành dịch vụ mà một số nước CPTPP có thế mạnh. Trong khi đó, ngoại trừ dịch vụ giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng, Việt Nam hầu như mới chỉ mở cửa dịch vụ viễn thông theo các điều kiện ràng buộc về hợp tác, liên doanh giữa nhà cung cấp dịch vụ tài chính CPTPP và Việt Nam. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam hợp tác với họ, qua đó học hỏi các đối tác này (về kinh nghiệm quản lý, trình độ chuyên môn, tận dụng nguồn vốn...) cũng như cùng với họ nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

Ngoài ra, do viễn thông là dịch vụ nền tảng cho mọi hoạt động của đời sống kinh tế xã hội, đặc biệt là hoạt động sản xuất kinh doanh, sự phát triển mạnh của thị trường viễn thông dự kiến sẽ có tác động tích cực và ảnh hưởng bao trùm tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn bộ nền kinh tế cũng như đời sống văn hóa – xã hội của Việt Nam.



## Các thách thức từ CPTPP đối với ngành viễn thông Việt Nam?

Từ góc độ tác động trực tiếp, CPTPP dự kiến sẽ không mang lại thách thức đáng kể nào hơn cho các doanh nghiệp dịch vụ viễn thông Việt Nam (ngoại trừ dịch vụ giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng). Lý do chủ yếu là:

- Mức mở cửa của Việt Nam trong CPTPP mặc dù là lớn nhất trong các cam kết quốc tế nhưng vẫn còn dè dặt (đặc biệt hầu như không có thay đổi gì nhiều với các dịch vụ có hạ tầng mạng)
- Các quy định trong nước về điều kiện cấp phép và hoạt động áp dụng chung cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông mà Việt Nam hiện đang áp dụng không bị hạn chế hay thu hẹp trong CPTPP

Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập chung, đặc biệt với việc Việt Nam còn có cam kết mở cửa thị trường dịch vụ viễn thông trong các Hiệp định thương mại tự do khác ngoài CPTPP, ngành dịch vụ viễn thông được cho là đang phải đối mặt với một số thách thức sau:

- *Áp lực cạnh tranh từ các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông nước ngoài trên thị trường Việt Nam ngày càng lớn*

Áp lực này chủ yếu xuất phát từ việc Việt Nam mở cửa mạnh nền kinh tế theo các FTA khiến thương mại – đầu tư và hoạt động xuất nhập khẩu sôi động. Từ đó, tạo ra thị trường hấp dẫn thu hút sự tham gia của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông nước ngoài tại Việt Nam, dẫn tới sức ép cạnh tranh mạnh với các doanh nghiệp Việt Nam.

- *Yêu cầu của khách hàng đối với dịch vụ viễn thông ngày càng cao, không dừng lại ở giá mà đòi hỏi mức độ phong phú về dịch vụ, chất lượng dịch vụ*

Cùng với quá trình hội nhập, sự phát triển của công nghệ thông tin và số lượng các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trên thị trường, các khách hàng sử dụng dịch vụ thông tin ở Việt Nam cũng có đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng, loại và giá dịch vụ viễn thông, đồng thời cũng có nhiều lựa chọn hơn. Cùng với đó, cơ chế quản lý của Việt Nam với dịch vụ viễn thông cũng đang thay đổi, với một số yêu cầu mới tạo điều kiện cho khách hàng (ví dụ các yêu cầu về đổi mạng giữ số, bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng...).

- *Việc ứng dụng công nghệ trong các dịch vụ tài chính đặt ra thách thức trong bảo mật thông tin, quản trị và bảo vệ an toàn dữ liệu thông tin*

Thách thức về an toàn giao dịch và an toàn thông tin trong lĩnh vực viễn thông vốn là thách thức thường trực đối với bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ viễn thông nào. Tuy nhiên trong bối cảnh cạnh tranh mạnh như đề cập ở trên, thách thức này còn lớn hơn nữa.

Với không ít các doanh nghiệp Việt Nam vốn chưa có ý thức thực sự về công tác bảo đảm an toàn và bí mật thông tin khách hàng, hoặc chưa có cơ chế kiểm soát an toàn thông tin chặt chẽ, nguồn lực đầu tư cho vấn đề này lại không lớn bằng các đối thủ nước ngoài, thách thức này thực sự không dễ vượt qua.



## Doanh nghiệp viễn thông Việt Nam cần chú ý gì để tận dụng các cơ hội và vượt qua thách thức trong bối cảnh CPTPP?

Mở cửa thị trường trong CPTPP nói riêng và hội nhập nói chung mở ra cơ hội đồng thời tạo ra sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong ngành viễn thông.

Để tận dụng các cơ hội, đồng thời vượt qua sức ép này, bên cạnh việc tìm hiểu các cam kết CPTPP để nhận diện rõ ràng các cơ hội, thách thức, giải pháp nền tảng và bền vững là nâng cao năng lực cạnh tranh.

Sau đây là một số trọng tâm nâng cao năng lực cạnh tranh ngành viễn thông mà doanh nghiệp cần chú ý:

- *Chuyên nghiệp hóa và nâng cao chất lượng các dịch vụ cung cấp*

Các dịch vụ viễn thông có đặc thù là các sản phẩm viễn thông thường là tương tự nhau, trong khung khổ các cơ chế pháp lý nhất định, do đó khả năng đa dạng hóa hoặc tạo khác biệt lớn về sản phẩm tương đối hạn chế cho với các ngành khác.

Trong điều kiện như vậy, tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ và khả năng liên kết các sản phẩm, các nhà cung cấp dịch vụ là các yếu tố có thể tạo ra khác biệt và ưu thế trong cạnh tranh.

- *Thiết kế và cung cấp dịch vụ phù hợp với yêu cầu của khách hàng*

Cùng với sự đa dạng của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng, nhu cầu của khách hàng đối với các dịch vụ viễn thông cũng đa dạng, thay đổi theo từng nhóm khách hàng, từng bối cảnh và từng lĩnh vực liên quan. Trong bối cảnh các sản phẩm dịch vụ viễn thông có thể không khác biệt quá lớn, khả năng linh hoạt trong cách thức cung cấp dịch vụ viễn thông và các hình thức hỗ trợ khách hàng theo nhu cầu riêng của họ là rất quan trọng.

- *Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ*

Dịch vụ viễn thông gắn liền với sự phát triển của công nghệ thông tin, theo hướng càng nhiều công nghệ thông tin mới thì khả năng đa dạng hóa, cải thiện sản phẩm dịch vụ viễn thông càng lớn. Do đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin là yêu cầu quan trọng để doanh nghiệp viễn thông gia tăng năng lực cạnh tranh.

- *Rà soát thường xuyên và nâng cao các kỹ thuật bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin*

Khác với nhiều ngành khác, trong dịch vụ viễn thông, thông tin là yếu tố chủ đạo. Do đó, vấn đề về bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin đặt ra với ngành viễn thông lớn hơn các ngành khác.

Vì vậy, rà soát và bảo đảm an toàn thông tin của hệ thống cũng như của khách hàng sử dụng dịch vụ là việc doanh nghiệp viễn thông cần chú ý thực hiện chặt chẽ, thường xuyên.









SỔ TAY DOANH NGHIỆP

HIỆP ĐỊNH

ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (CPTPP)  
VÀ NGÀNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Giám đốc - Tổng Biên tập  
Nguyễn Minh Huệ

Chịu trách nhiệm nội dung  
TS. Nguyễn Thị Thu Trang

Biên tập: Tôn Nữ Thanh Bình  
Chế bản: Nguyễn Thái Dũng  
Trình bày bìa: Thaidung85@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934 1562 Fax: 024-3938 7164

Website: <http://nhaxuatbanconghuong.com>

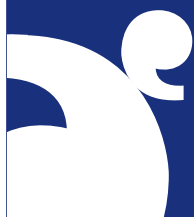
E-mail: [nxbct@moit.gov.vn](mailto:nxbct@moit.gov.vn)

---

In 500 cuốn, khổ 12x22 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia  
Địa chỉ: Số 14 ngõ 464 Đ.Ấu Cơ, P.Nhật Tân, Q.Tây Hồ, Hà Nội  
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 4749-2019/CXBIPH/03-199/CT  
Số Quyết định xuất bản: 312/QĐ-NXBCT ngày 22 tháng 11 năm 2019  
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV/2019  
Mã số ISBN: 978-604-9885-08-2

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP  
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: +84 24 35771458; Fax: +84 24 35771459  
Email: banthuky@trungtamwto.vn  
www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn



## TUYỂN TẬP SỔ TAY DOANH NGHIỆP VỀ CPTPP

1. CPTPP & Ngành Logistics Việt Nam
2. CPTPP & Ngành Phân phối – Thương mại Điện tử Việt Nam
3. CPTPP & Ngành Viễn thông Việt Nam
4. CPTPP & Ngành Rau quả Việt Nam
5. CPTPP & Ngành Chăn nuôi và chế biến thịt Việt Nam
6. CPTPP & Ngành Chế biến xuất khẩu Thủy sản Việt Nam
7. CPTPP & Ngành Dệt may Việt Nam
8. CPTPP & Ngành Da giày Việt Nam
9. CPTPP & Ngành Chế biến xuất khẩu Gỗ Việt Nam
10. CPTPP & Ngành Đồ uống Việt Nam

ISBN: 978-604-988-508-2



9 786049 885082